TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/LĐ-PT
Ngày 27-9-2018
V/v tranh chấp tiền lương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Bà Phan Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Thị Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-LĐ, ngày 03 tháng 8 năm 2018 về: *"Tranh chấp tiền lương"*.

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 06/2018/LĐ-ST, ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2018/QĐ-PT, ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 14/TB-TA, ngày 19 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần C.

Địa chỉ trụ sở: Phường A, quận E, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh: ấp M, xã F, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quách Nguyễn Thanh P - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc H - Nhân viên hành chính nhân sự.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21/12/2017, ngày 09/01/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm T trình bày:

Ông Phạm T thử việc tại Công ty cổ phần C (sau đây gọi tắt là Công ty C) từ ngày 17/5/2017 theo Thư mời làm việc ngày 13/5/2017, thời gian thử việc 02 tháng, với vị trí Giám đốc sản xuất, mức lương 35.000.000 đồng/tháng. Quá trình thử việc, ông T nhận thấy công việc không phù hợp và Công ty C liên tục trả lương không đúng thời gian thỏa thuận nên ông T nghỉ việc từ ngày 01/7/2017. Tiền lương tháng 5/2017 của ông T là 17.500.000 đồng và tháng 6/2017 là 35.000.000 đồng, tổng cộng là 52.500.000 đồng; cấn trừ số tiền ông T còn nợ Công ty C là 14.202.000 đồng. Như vậy, tiền lương Công ty C còn nợ ông T là 38.298.000 đồng.

Quá trình làm việc, hòa giải, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty C trả tiền lương còn nợ là 38.298.000 đồng và bồi thường những ngày ông T phải nghỉ việc đi khởi kiện, tổng cộng là 11 ngày gồm: 03 ngày đến Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai, 03 ngày đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố B, 05 ngày đến Tòa án nhân dân thành phố B theo mức lương 50.000.000 đồng/tháng là 21.153.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu Công ty C trả số tiền lương còn nợ là 38.298.000 đồng và bồi thường những ngày ông T phải nghỉ việc đi khởi kiện, tổng cộng là 10 ngày gồm: 04 ngày đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố B để hòa giải, 06 ngày đến Tòa án nhân dân thành phố B nộp đơn khởi kiện, tham gia các buổi làm việc, hòa giải, xét xử theo mức lương thử việc tại Công ty C 35.000.000 đồng/tháng là (35.000.000 đồng : 26 ngày) x 10 ngày = 13.461.539 đồng. Tổng số tiền ông T yêu cầu Công ty C phải trả là 51.750.539 đồng.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần C trình bày:

Ông Phạm T thử việc tại Công ty C từ ngày 17/5/2017, thời gian thử việc 02 tháng, công việc là quản lý điều hành nhà máy sản xuất, mức lương là 35.000.000 đồng/tháng. Tổng thời gian ông T làm việc tại Công ty C là 01 tháng 15 ngày. Ông T nghỉ việc theo Quyết định thôi việc số: 3006/2017, ngày 01/7/2017 của Công ty C.

Công ty C chưa trả cho ông T tiền lương tháng 5/2017 là 17.500.000 đồng và tháng 6/2017 là 35.000.000 đồng, tổng cộng 52.500.000 đồng. Ông T còn nợ Công ty C số tiền 14.202.000 đồng. Như vậy, sau khi cấn trừ, số tiền lương Công ty C còn nợ ông T là 38.289.000 đồng. Nay ông T khởi kiện, Công ty C đồng ý trả cho ông T số tiền lương còn nợ là 38.289.000 đồng. Công ty C không đồng ý bồi thường những ngày ông T nghỉ việc đi khởi kiện.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số: 06/2018/LĐ-ST, ngày 21 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ các Điều 26, 35, 203, 220, 227, 228,

233, 235, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95, 96 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm T đối với bị đơn Công ty cổ phần C về: *"Tranh chấp tiền lương"*.

Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho ông Phạm T số tiền 38.289.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T về yêu cầu Công ty cổ phần C bồi thường số tiền trong những ngày ông Phạm T đi khởi kiện là 13.461.539 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần C đồng ý thanh toán cho ông Phạm T số tiền 1.924.000 đồng.

Về án phí: Công ty cổ phần C phải chịu 1.148.670 đồng án phí. Ông Phạm T phải chịu 673.076 đồng án phí. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Phạm T nộp được trừ vào số tiền án phí ông T đã nộp (theo biên lai thu tiền số: 006160, ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B). Ông T phải nộp tiếp số tiền 373.076 đồng án phí.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/7/2018, nguyên đơn ông Phạm T kháng cáo một phần bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc Công ty C bồi thường những ngày ông T nghỉ việc đi khởi kiện với số tiền 13.461.539 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm T, sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C về việc thanh toán cho ông T số tiền 6.730.769 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm T:

Theo ông T trình bày, trong quá trình thử việc do Công ty C không trả tiền lương nên ông T phải nghỉ việc đi khởi kiện. Do đó, ông T yêu cầu Công ty C bồi thường những ngày ông T phải nghỉ việc đi làm đơn khởi kiện, tổng cộng là 10 ngày gồm: 04 ngày đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố B để hòa giải, 06 ngày đến Tòa án nhân dân thành phố B nộp đơn khởi kiện, tham gia các buổi làm việc, hòa giải, xét xử với số tiền 13.461.539 đồng. Theo đại diện Công ty C trình bày, Công ty C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do ông T không có chứng cứ chứng minh, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012 quy định: *"Người lao động được trả lương trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn. Trường hợp đặc biệt không thể trả lương đúng thời hạn thì không được chậm quá 01 tháng và người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương"*. Như vậy, việc Công ty C chậm trả lương đã được Tòa án cấp sơ thẩm buộc trả số tiền lương 38.298.000 đồng cho ông T, không phải là căn cứ phát sinh thiệt hại những ngày ông T đi khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên của ông T là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Công ty C tự nguyện thanh toán ½ số tiền ông T yêu cầu trong những ngày ông T đi làm đơn khởi kiện là 13.461.539 đồng : 2 = 6.730.769 đồng. Xét đề nghị trên là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty C phải thanh toán cho ông Phạm T số tiền 38.289.000 đồng không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm T, sửa một phần bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C về việc thanh toán cho ông T số tiền 6.730.769 đồng.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Phạm T không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông T phải chịu 673.076 đồng án phí sơ thẩm. Công ty C phải chịu 1.148.670 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm T. Sửa một phần Bản án lao động sơ thẩm số: 06/2018/LĐ-ST, ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- Áp dụng Điều 95 và Điều 96 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm T về *"Tranh chấp tiền lương"* đối với bị đơn Công ty cổ phần C.

Buộc Công ty cổ phần C phải thanh toán cho ông Phạm T số tiền lương là 38.289.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T về yêu cầu Công ty cổ phần C bồi thường số tiền trong những ngày ông Phạm T đi khởi kiện là 13.461.539 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần C thanh toán cho ông Phạm T số tiền trong những ngày ông Phạm T đi khởi kiện là 6.730.769 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Phạm T phải chịu 673.076 đồng án phí sơ thẩm. Được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Phạm T đã nộp (theo biên lai thu số: 006160, ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B) và số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Phạm T đã nộp (theo biên lai thu số: 008542, ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B), ông Phạm T phải nộp tiếp số tiền án phí là 73.076 đồng.

- Công ty cổ phần C phải chịu 1.148.670 đồng án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Triệu Thị Huỳnh Hoa